|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN**  Số: 163/QĐ-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc Bắc Kạn, ngày 30 tháng 01 năm 2024 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố** **danh mục văn bản quy phạm pháp luật của**

**Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực,**

**ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2023**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật* *Tổ chức chính quyền địa phương**ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 07/TTr-STP ngày 25 tháng 01 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2023 (có danh mục văn bản kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Bình** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn**

**hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ năm 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2023**

| **S**  **TT** | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản** | **Tên gọi của văn bản** | **Lý do hết hiệu lực** | **Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ** | | | | | |
| **Văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh** | | | | | |
| 1 | Nghị quyết | Số 06/2012/NQ-HĐND ngày 10/4/2012 | Về việc Quy định mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 Quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 11/8/2023 |
| 2 | Nghị quyết | Số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 | Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 18/12/2023 |
| 3 | Nghị quyết | Số 10/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 | Quy định mức hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023Quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy; mức chi thù lao cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trênđịa bàn tỉnh Bắc Kạn | 02/11/2023 |
| **Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh** | | | | | |
| 4 | Quyết định | Số 2338/2012/QĐ-UBND ngày 31/12/2012 | Về việc Quy định cụ thể nội dung chi, mức chi công tác xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự, tổ chức các kỳ thi cấp khu vực và quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Được bãi bỏ theo Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh | 17/7/2023 |
| 5 | Quyết định | Số 881/2013/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 | Về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 2338/2012/QĐ-UBND ngày 31/12/2012 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc Quy định cụ thể nội dung chi, mức chi công tác xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự, tổ chức các kỳ thi cấp khu vực và quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn |
| 6 | Quyết định | Số 04/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 | Về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Xây dựng | Được thay thế bởi Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn | 24/3/2023 |
| 7 | Quyết định | Số 09/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 | Ban hành Quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 Quy định nội dung và mức chi cho hoạt động thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất và tổ giúp việc của các Hội đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 09/5/2023 |
| 8 | Quyết định | Số 12/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn | 17/7/2023 |
| 9 | Quyết định | Số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Kạn | Hết hiệu lực theo Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Kạn | 16/4/2023 |
| 10 | Quyết định | Số 04/2017/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 | Ban hành Quy định thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn | 23/10/2023 |
| 11 | Quyết định | Số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 | Sửa đổi một số điều của Quy định thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 |
| 12 | Quyết định | Số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 | Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 bãi bỏ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý | 31/7/2023 |
| 13 | Quyết định | Số 28/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 | Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 12/02/2023 bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 | 22/02/2023 |
| 14 | Quyết định | Số 03/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 | Ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 29/7/2023 |
| 15 | Quyết định | Số 29/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 | **Ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn** | Được thay thế bởi Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 05/10/2023 |
| 16 | Quyết định | Số 42/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 | **Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn** | Được thay thế bởi Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 10/01/2024 |
| 17 | Quyết định | Số 35/2019/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn | Hết hiệu lực theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn | 25/9/2023 |
| 18 | Quyết định | Số 44/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 | Về quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn | 09/01/2024 |
| 19 | Quyết định | Số 01/2020/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 | Về ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 ban hành Quy chế phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 27/10/2023 |
| 20 | Quyết định | Số 02/2020/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của **Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn** | Được thay thế bởi Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 10/01/2024 |
| 21 | Quyết định | Số 04/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 | Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn | Bị thay thế bởi Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Kạn | 16/4/2023 |
| 22 | Quyết định | Số 13/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 | Giao số lượng cán bộ, công chức và Quy định tiêu chuẩn về trình độ đào tạo đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn | Được thay thế bởi Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 22/12/2023 |
| 23 | Quyết định | Số 19/2020/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh Bắc Kạn | 04/12/2023 |
| 24 | Quyết định | Số 17/2021/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 | **Quy định chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn** | Được bãi bỏ bởi Quyết định 12/2023/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn | 02/6/2023 |
| 25 | Quyết định | Số 24/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 | Miễn tiền sử dụng nước sạch sinh hoạt cho một số đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn |
| 26 | Quyết định | Số 03/2022/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 | Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 28/01/2023 |
| 27 | Quyết định | Số 13/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 | Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh giao số lượng cán bộ, công chức và quy định tiêu chuẩn về trình độ đào tạo đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn | Được thay thế bởi Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 22/12/2023 |
| 28 | Quyết định | Số 01/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 | Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Được thay thế bởi Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 01/01/2024 |
| **Tổng số: 28 văn bản.** | | | | | |
| **II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: 0 văn bản.** | | | | | |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2023 (bao gồm các văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ trước ngày 01/01/2023 nhưng chưa được công bố):** **0 văn bản**.

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn**

**hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần năm 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2023**

| **S**  **TT** | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản** | **Nội dung, quy định**  **hết hiệu lực** | **Lý do hết hiệu lực** | **Ngày hết hiệu lực** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN** | | | | | |
| **Văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh** | | | | | |
| 1 | Nghị quyết | Số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo | - Điểm b khoản 2 Điều 1.  - Khoản 2 Điều 3.  - Khoản 8 Điều 3.  - Điều 6. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn | 11/8/2023 |
| 2 | Nghị quyết | Số 02/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 về chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | - Khoản 2 Điều 2.  - Khoản 1 Điều 3. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 về chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 18/12/2023 |
| 3 | Nghị quyết | Số 06/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Các khoản 2, 3, 4, 6, 8 Điều 1. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 02/11/2023 |
| 4 | Nghị quyết | Số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn | - Điểm d khoản 1 Điều 5.  - Khoản 3 Điều 8.  - Khoản 3 Điều 9.  - Khoản 3 Điều 10. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số  07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn | 06/5/2023 |
| 5 | Nghị quyết | Số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | - Khoản 1 Điều 6.  - Gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Điều 9.  - Điểm a khoản 2 Điều 16. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 02/11/2023 |
| 6 | Nghị quyết | Số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Gạch đầu dòng thứ hai, điểm b khoản 1 Điều 9. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 01/01/2024 |
| 7 | Nghị quyết | Số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Các Điều 14, 21. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn | 11/8/2023 |
| Điều 15 | Bãi bỏ bởi Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 bãi bỏ Điều 15 của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn | 06/5/2023 |
| 8 | Nghị quyết | Số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 ban hành Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 | Các Điều: 3, 5, 7. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 02/11/2023 |
| 9 | Nghị quyết | Số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp) | - Khoản 2 Điều 3.  - Nội dung thứ 5.1 mục II, nội dung thứ 4 mục III, nội dung mục IV, nội dung thứ 2 mục V.  - Phụ lục số 01.  - Nội dung thứ 4 mục II Phụ lục số 02. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp) | 18/12/2023 |
| 10 | Nghị quyết | Số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | - Điều 1.  - Khoản 2 Điều 4.  - Khoản 2 Điều 6. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 11/8/2023 |
| 11 | Nghị quyết | Số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 tỉnh Bắc Kạn | - Điểm c khoản 1 Điều 1.  - Điểm b khoản 5 Điều 1. | Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh | 02/11/2023 |
| **Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh** | | | | | |
| 12 | Quyết định | Số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 về ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Các Điều: 23, 24, 26. | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 24/10/2023 |
| 13 | Quyết định | Số 01/2015/QĐ-UBND ngày 27/02/2015 ban hành Quy định về số lượng, quy trình xét chọn và đơn vị quản lý, chế độ chính sách đối với nhân viên y tế thôn, bản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | - Điều 1, 3, 4.  - Tiêu đề của Điều 7; khoản 2 của Điều 7.  - Khoản 3, 6 Điều 8. | Được sửa đổi bổ sung bởi Điều 1, Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về số lượng, quy trình xét chọn và đơn vị quản lý, chế độ chính sách đối với nhân viên y tế thôn, bản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 27/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn | 22/6/2023 |
| 14 | Quyết định | Số 20/2017/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 ban hành Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Điều 2 | Hết hiệu lực theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn | 25/9/2023 |
| 15 | Quyết định | Số 50/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 ban hành Quy định quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Chương III | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 27/7/2023 |
| 16 | Quyết định | Số 43/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 và Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn | Khoản 6 Điều 2 | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 24/10/2023 |
| 17 | Quyết định | Số 46/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn | - Điều 1 Quyết định.  - Tên gọi của Quy định; Điều 1; khoản 1 Điều 2; điểm b khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 3; tên điều, điểm c khoản 1, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 4; tên điều, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 5; Điều 6; khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn | 15/6/2023 |
| 18 | Quyết định | Số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | - Khoản 2 Điều 9; Điều 10,12; điểm b khoản 4 Điều 15; khoản 5 Điều 17; khoản 2 Điều 18; khoản 1 Điều 19;  - Cụm từ “trong khoản 2 Điều 2 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017” tại khoản 1 Điều 4.  - Cụm từ “Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày ngày 07 tháng 11 năm 2017” tại khoản 2 Điều 4.  - Cụm từ “xả nước thải vào nguồn nước” tại khoản 1 Điều 1; khoản 2 Điều 2; khoản 4 Điều 11; khoản 7, khoản 11 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 2 Điều 19.  - Cụm từ “Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 1.000m3/ngày đêm đến lưu lượng nhỏ hơn 3.000m3/ngày đêm” tại khoản 1; “Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 05m3/giây và không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ đến nhỏ hơn 1.000m3/ngày đêm” tại khoản 2 Điều 11.  - Cụm từ “và xả nước thải vào nguồn nước”, “đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp” tại khoản 8, Điều 16.  - Cụm từ “và xả nước thải vào nguồn nước đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp” tại khoản 8, Điều 17. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 23/6/2023 |
| 19 | Quyết định | Số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | - Khoản 5 Điều 7.  - Điểm b khoản 2 Điều 8.  - Điểm b khoản 1 Điều 9. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 10/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh bắc Kạn | 20/6/2023 |
| Các Điều 4, 5, 9. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 10/01/2024 |
| 20 | Quyết định | Số 31/2022/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Điểm đ khoản 1 Điều 7. | Bãi bỏ bởi Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 7 Quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn | 10/11/2023 |
| 21 | Quyết định | Số 14/2023/QĐ-UBND ngày 10/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Khoản 3 Điều 1. | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 10/01/2024 |
| **Tổng số: 21 văn bản.** | | | | | |
| **II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 0 văn bản.** | | | | | |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2023 NHƯNG CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ**

| **S**  **TT** | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản** | **Nội dung, quy định hết hiệu lực** | **Lý do hết hiệu lực** | **Ngày hết hiệu lực** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN** | | | | | |
| **Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh** | | | | | |
| 1 | Quyết định | Số 01/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 về việc ban hành Quy định quản lý khu du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | - Khoản 2 Điều 6.  - Khoản 2 Điều 11. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý khu du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 22/11/2019 |
| **Tổng số: 01 văn bản.** | | | | | |
| **II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 0 văn bản.** | | | | | |